TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH ĐỒNG NAI Bản án số:**178**/2021/HSST Ngày: 05/11/2021	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Ký
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài (giáo viên về hưu)
Ông Đặng Quang Hoạch

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Hà - Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:* Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Tòa án tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 221/2021/HSST, ngày 05/1/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2021/HSST-QĐ, ngày 19/10/2021 đối với bị cáo:

Danh Mít Đ, sinh ngày 18/6/2004 tại Kiên Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân: Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh D, sinh năm 1968 và bà Thị H, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ con, Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt từ ngày 28/5/2021 đến ngày 03/6/2021 được tại ngoại – Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Ông Danh D, sinh năm 1968 (là cha bị cáo) và bà Thị H(là mẹ bị cáo). Cùng địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang – Có đơn xin vắng mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Tố Q, sinh năm 2002, HKTT: Đội 1, Thôn X, xã D, huyện K, tỉnh Đắk, Lắk. Địa chỉ tạm trú: 205/4, H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Lê Văn H, địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

- Bào chữa cho bị cáo theo luật định: Bà Lê M – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Nai – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Danh M Được ở chung với vợ chồng chị Nguyễn Thị Tố Q và anh Lê Văn H tại phòng trọ số 5, khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị M thuộc khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 27/5/2021, chị Q cắm sạc pin điện thoại hiệu Iphone 8 Plus gắn kèm theo sim số 0337.344.312 và để điện thoại ở gần cửa ra vào phòng trọ rồi đi ngủ. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, Đ thức dậy phát hiện chiếc điện thoại di động trên nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại của chị Q bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đ liền rút dây cắm sạc pin rồi lấy trộm điện thoại và đi ra khỏi phòng trọ tìm nơi tiêu thụ. Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, chị Q thức dậy phát hiện bị mất trộm điện thoại nên sử dụng điện thoại di động của anh H nhắn tin vào số sim trên điện thoại của mình đề nghị chuộc lại điện thoại. Khi nhận được tin nhắn thì Đ nhắn tin lại cho chị Q, yêu cầu chị Qn mang theo 800.000đ đến công viên A ở khu phố 3, thị trấn Tm, huyện T để chuộc lại điện thoại. Sau đó, chị Q đã trình báo công an thị trấn T. Qua xác minh công an thị trấn T đã phát hiện Đ đang cầm điện thoại di động của chị Q ở khu vực công viên A nên đã đưa Đ về trụ sở làm việc, Đ thừa nhận hành vi trộm cắp điện thoại của chị Q như đã nêu trên.

Ngày 02/6/2021, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện T kết luận: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus đã qua sử dụng mà Danh Mít Đ chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Tố Q trị giá 6.200.000đ.

+ Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại Iphone 8 plus, gắn kèm theo sim số 0337.344.312 là tài sản của chị Nguyễn Thị Tố Q, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Q.

+ 01 điện thoại di động hiệu Mastel gắn kèm theo sim số 0332.890.764 là tài sản hợp pháp của Danh Mít Đ, không sử dụng vào việc phạm tội, cơ quan điều tra đã trả lại cho Đ.

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị Tố Q đã nhận tài sản bị chiếm đoạt và cam kết không thắc mắc, khiếu nại hay yêu cầu gì về dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 226/CT/VKS-TB, ngày 30/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Danh Mít Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên nội dung cáo trạng, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, phân tích nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội và đề xuất xử phạt bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 05 giờ 00 phút ngày 27/5/2021, tại khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Danh Mít Đ có hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus đã qua sử dụng trị giá 6.200.000đ của chị Nguyễn Thị Tố Q, sau đó bị phát hiện xử lý. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ nên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Danh Mít Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, do vậy cần phải có mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nhận thấy: Trong vụ án này bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người dân tộc Khmer; giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn và đã thu hồi trả lại cho bị hại; bị hại có đơn bãi nại là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tính tiết tăng nặng. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo được 16 tuổi 11 tháng 08 ngày, do vậy hội đồng xét xử xem xét nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội tại Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt và là người chưa thành niên nên căn cứ Nghị quyết 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, cho bị cáo Danh Mít Đ hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo nêu các tình tiết giảm nhẹ, phân tích hoàn cảnh phạm tội, nguyên tắc xử lý người chưa thành niên, thống nhất nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhưng đề nghị hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo. Ý kiến của người bào chữa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

+ Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại Iphone 8 plus, gắn kèm theo sim số 0337.344.312 là tài sản của chị Nguyễn Thị Tố Q, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Q là có căn cứ.

+ 01 điện thoại di động hiệu Mastel gắn kèm theo sim số 0332.890.764 là tài sản hợp pháp của Danh Mít Đ, không sử dụng vào việc phạm tội, cơ quan điều tra đã trả lại cho Đ là có căn cứ.

[6] Về dân sự: Chị Nguyễn Thị Tố Q đã nhận tài sản bị chiếm đoạt và cam kết không thắc mắc, khiếu nại hay yêu cầu gì về dân sự.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét tính hợp pháp của các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy đúng với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Tuyên bố bị cáo Danh Mít Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo: **Danh Mít Đ** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Giao bị cáo Danh Mít Đ cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự.

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, người bào chữa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện hợp pháp bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại;
- Người bào chữa; ĐD bị cáo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra Công an huyện T;
- Bộ phận T.H.A hình sự;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện T
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ký